

Số: 02/2021/QĐPT- DS

Ngày 02 - 4- 2021

QUYẾT ĐỊNH

**PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu tuyên bố một người
có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hoàng Hữu Tăng;

Các Thẩm phán: Ông Trương Quang Tú

Ông Phạm Trung Thực.

- Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Thu - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên họp: Bà Hoàng Thị Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Vào ngày 02/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 11/2021/TLPT - DS ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Do quyết định việc giải quyết sơ thẩm việc dân sự số 02/2021/QĐST - DS ngày 03/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện V.G, tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo quyết định mở phiên họp số 03/2021/QĐPH-PT ngày 22/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị Th., sinh năm 1958; trú tại: Thôn Th., xã V.Kh, huyện V.G, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị L1., sinh năm 1961 (có mặt)

- Ông Nguyễn Đức C1., sinh năm 1952 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị L2., sinh năm 1958 (có mặt).

- Ông Nguyễn Văn T1., sinh năm 1967 (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị T2., sinh năm 1968 (có mặt)

Cùng trú tại: Thôn Th., xã V.Kh, huyện V.G, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Nguyễn Thị N1., sinh năm 1963; trú tại: Thôn L1., xã V.Kh, huyện V.G, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị H1., sinh năm 1971; trú tại: Thôn N.N, xã T.T, huyện V.G, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

Người phiên dịch cho bà L1.: Ông Nguyễn Đình K1., sinh năm 1978.

Nghề nghiệp: Giáo viên trường phục hồi chức năng huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu và trong quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị Th. trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Nguyễn Văn T3. và cụ Lê Thị D1. (đều đã chết) có sinh được 08 người con là: Nguyễn Đức C1., Nguyễn Thị M1., Nguyễn Thị L1., Nguyễn Thị N1., Nguyễn Văn T1., Nguyễn Thị T2., Nguyễn Thị H1. và bà.

Em bà là Nguyễn Thị L1. từ khi sinh ra sức khỏe đã không được tốt. Khi bà L1. 3 tuổi vẫn chưa biết đi, chưa biết nói, chưa biết tự vệ sinh cá nhân, việc ăn uống vẫn cần có người giúp đỡ. Đến năm 10 tuổi thì bà L1. mới chập chững biết đi, biết tự vệ sinh cá nhân, biết tự ăn uống nhưng vẫn khó khăn và vẫn không biết nói, tai không nghe được. Khi bà L1. hơn 20 tuổi, bà L1. vẫn không biết làm gì, không biết tự lo cho bản thân mà vẫn sống phụ thuộc vào bố, mẹ, chỉ loanh quanh ở nhà làm một số công việc đơn giản khi bố, mẹ hoặc người thân sai khiến như quét nhà, nấu cơm, rửa bát. Vào khoảng những năm 1990, bố mẹ bà cho bà L1. đi học ở trường khuyết tật ở Khoái Châu nhưng không thích nghi được với môi trường học tập nên bà L1. chỉ học được ít ngày thì bỏ về không học nữa. Bà L1. bị câm, điếc, sức khỏe yếu, không biết chữ, không biết giao tiếp bằng ký hiệu của người khuyết tật. Mọi giao tiếp của bà L1. với người thân trong gia đình hoặc người khác là thông qua những cử chỉ, hành động mô tả bằng tay giống như tình huống thực tế trong cuộc sống, chỉ những người thân cận mới hiểu được một số động tác, cử chỉ của bà L1..

Từ khi sinh ra đến khi bố mẹ bà chết, bà L1. đều ăn ở, sinh sống với bố mẹ bà. Trước khi chết, mẹ bà và bà L1. sống cùng nhà ông C1., sau khi mẹ bà chết, ông C1. không cho bà L1. ở cùng nữa, bà L1. nay ở nhà này, mai ở nhà khác, nhưng chủ yếu là ở nhà bà. Hiện tại bà L1. đang ở nhà bà.

Khi bố mẹ bà còn sống thì bố mẹ bà là người giám hộ, đứng ra đại diện cho bà L1.. Khi bố, mẹ bà chết, 4 trong 7 anh chị em đã họp và nhất trí để cho bà là người giám hộ cho bà L1.. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bà L1., bà đề nghị Tòa tuyên bố bà Nguyễn Thị L1. là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và chỉ định bà là người giám hộ cho bà L1.. Bà không đồng ý để ông C1. là người giám hộ, đại diện cho bà L1. như quan điểm của ông C1., bà T2., bà H1. vì từ trước đến nay ông C1. đối xử với bố mẹ và các em trong gia đình bà không tốt, hay đuổi đánh bà L1., không chăm sóc bố mẹ khi già ốm, không chăm sóc bà L1. một ngày nào, đồng thời ông C1. đang là người chiếm dụng, sử dụng các tài sản của bà L1. (đất ở, gạch, tiền vàng mà mẹ bà để lại).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Nguyễn Đức C1., ông Nguyễn Văn T1., bà Nguyễn Thị N1., bà Nguyễn Thị T2. và bà Nguyễn Thị H1. trình bày: Tình trạng sức khỏe thể chất, tinh thần của bà L1. như bà Th. trình bày và nhất trí với yêu cầu của bà L1. đề nghị Tòa án tuyên bố bà L1. có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Tuy nhiên, ông C1., bà T2., bà H1. đều đề nghị Tòa án chỉ định ông C1. là người giám hộ cho bà L1. vì trước khi chết, mẹ của các ông bà là cụ D1. đã có di nguyện trước các con là: Nếu bà L1. kiếm được người con thì ông C1. - là con trưởng có trách nhiệm xây nhà cho mẹ con bà L1.. Nếu bà L1. không có con, vẫn ở một mình thì ông C1. có trách nhiệm chăm lo cho bà L1. đến khi chết. Thời gian qua, mọi vấn đề liên quan đến cuộc sống của bà L1. về vật chất, về chỗ ăn chỗ ở, lúc bà L1. ốm đau đi viện đều do ông C1. đảm nhiệm.

- Ông Nguyễn Văn T1. và bà Nguyễn Thị N1. đồng quan điểm với bà Th., cho rằng ông C1. không đủ tư cách làm người giám hộ cho bà L1. và đề nghị Tòa án chỉ định bà Th. giám hộ cho bà L1..

Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2021/QĐST - DS ngày 03/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện V.G, tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

1. Căn cứ:

- Khoản 1 điều 27, điểm a khoản 2 điều 35, điểm a khoản 2 điều 39, điều 149, điều 361, điều 371, điều 372, điều 376 và điều 378 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 23, điều 48, điều 49, khoản 4 điều 54, điều 57, điều 58 Bộ luật dân sự;

- Điểm đ khoản 1 điều 12, Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th.

Tuyên bố bà Nguyễn Thị L1.; sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn Th., xã V.Kh, huyện V.G, tỉnh Hưng Yên là người “có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi”.

Chỉ định bà Nguyễn Thị Th.; sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn Th., xã V.Kh, huyện V.G, tỉnh Hưng Yên là người giám hộ cho bà Nguyễn Thị L1.. Bà Nguyễn Thị Th. có các quyền và nghĩa vụ của người giám hộ quy định tại điều 57, 58 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lệ phí và quyền kháng cáo của người yêu cầu, người có quyền lợi liên quan theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/3 /2021 bà Nguyễn Thị T2. kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Không đồng ý việc Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị L1. là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và không đồng ý để bà Nguyễn Thị Thủy là người giám hộ cho bà L1..

Tại phiên họp bà T2. vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà T2. xác định bà L1. là người có đầy đủ khả năng nhận thức như người bình thường, và yêu

cầu Tòa giao cho ông C1. làm người giám hộ cho bà L1.. Về phía bà L1. qua phiên dịch bà L1. xác định ông C1. đối xử không tốt với bà, không đồng ý để ông C1. giám hộ cho bà mà đề nghị Tòa án để bà Th. giám hộ cho bà vì bà Th. là người quan tâm chăm sóc bà tốt.

Tại phiên họp: Đại diện VKSND tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng giải quyết việc dân sự và Thư ký phiên họp đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T2. và giữ nguyên quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự; ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên; ý kiến trình bày của người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, sau khi Hội đồng phúc thẩm thảo luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Tại phiên họp vắng mặt ông C1.. Tuy nhiên, ông C1. không kháng cáo nên căn cứ Điều 374 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm vẫn tiến hành phiên họp.

[1.2]. Về thiếu sót ở cấp sơ thẩm: Bà L1. là người có nhược điểm về thể chất và tinh thần bị câm điếc, trong khi đó Tòa án cấp sơ thẩm không cử người phiên dịch cho bà L1. để lấy lời khai của người bị yêu cầu xem xét ý kiến quan điểm của bà L1. là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, lẽ ra khi giải quyết cấp phúc thẩm phải hủy quyết định của cấp sơ thẩm, tuy nhiên quá trình giải quyết cấp phúc thẩm đã khắc phục được bằng việc cử người phiên dịch và tại phiên họp bà L1. đã thể hiện rõ ý kiến và quan điểm của mình nên không cần thiết phải hủy quyết định của cấp sơ thẩm, thiếu sót này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2]. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị T2.:

[2.1] Về yêu cầu kháng cáo không chấp nhận bà L1. là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Hội đồng phiên họp xét thấy: Bà Nguyễn Thị L1. là người câm điếc có nhược điểm về thể chất và tinh thần. Hiện tại, bà L1. thuộc đối tượng được bảo trợ xã hội theo diện người khuyết tật nghe nói và chậm phát triển trí tuệ và được trợ cấp hàng tháng. Mặt khác, tại kết luận giám định sức khỏe tâm thần số 161/KLGD ngày 16/12/2020 của Viện pháp y tâm thần trung ương đã kết luận: “Tại thời điểm giám định, đối tượng Nguyễn Thị L1. bị bệnh chậm phát triển tâm thần khác. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F78. Đối tượng hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi (người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi)”.

Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện V.G tuyên bố bà L1. có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là có căn cứ

2.2 - Đối với yêu cầu kháng cáo của bà L1. Không đồng ý đề bà Nguyễn Thị Thủy là người giám hộ cho bà L1. mà đề ông C1. làm người giám hộ cho bà L1.. Hội đồng phiên họp xét thấy: Bà Th. là người có tư cách đạo đức tốt, các con đã xây dựng gia đình, điều kiện kinh tế không khó khăn như gia đình ông C1.. Khi bố mẹ chết, bà Th. là người thường xuyên chăm lo cho bà L1. cho đến nay cuộc sống của bà L1. ổn định. Mặt khác bà Th. là phụ nữ, bà L1. cũng là phụ nữ, bản thân bà Th. tuổi ít hơn ông C1. có sức khỏe nên có điều kiện chăm sóc giám hộ cho bà L1. tốt hơn ông C1.. Tại phiên tòa bà L1. thể hiện quan điểm đồng ý đề bà Th. là người giám hộ cho bà vì bà Th. là người quan tâm chăm sóc bà tốt, ông C1. là người đối xử không tốt với bà , bà L1. không đồng ý đề Chính là người giám hộ cho bà. Ngoài ra, sau khi tòa cấp sơ thẩm quyết định giao cho bà Th. là người giám hộ cho bà L1. ông C1. cũng không có ý kiến gì và không kháng cáo, nên quyết định sơ thẩm giao bà L1. cho bà Th. là người giám hộ cho bà L1. là có cơ sở.

Từ những phân tích tại mục [2.1] và [2.2] trên nên việc bà T2. kháng cáo cho rằng bà L1. là người không có khó khăn cho trong việc nhận thức và làm chủ hành vi và đề cho ông C1. giám hộ cho bà L1. là không có căn cứ chấp nhận. Như vậy quan điểm của Đại diện VKSND tỉnh Hưng Yên đề nghị Hội đồng phiên họp không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T2. là có cơ sở

Về lệ phí: bà T2. kháng cáo không có cơ sở chấp nhận nên phải chịu lệ phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 375; Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T2..

Giữ nguyên quyết định số: 02/2021/QĐST - DS ngày 03/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện V.G, tỉnh Hưng Yên

2. Về lệ phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T2. phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng bà T2. đã nộp tại biên lai thu số 0001305 ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.G. Bà T2. đã nộp xong lệ phí.

Quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu, người liên quan;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND huyện V.G;
- VKSND huyện V.G;
- Chi cục THADS huyện V.G;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Hoàng Hữu Tăng